TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỸ ĐỨC** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 33/2019/QĐST-DS	*Mỹ Đức, ngày 17 tháng 10 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 463; Điều 466; Điều 467, 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 09 tháng 10 năm 2019 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 43/2019/TLST-DS ngày 31 tháng 7 năm 2019

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ngân hàng TMCP Sài Gòn Th T.

Địa chỉ: 266 – 288 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 8, Quận 3, thành phố Hồ Chí Minh. Địa chỉ liên hệ: Số 205 Giảng Võ, phường Cát Linh, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch Diễm – Chức vụ: Tổng giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền đứng đơn khởi kiện: Ông Hoàng Xuân Tòng – Chức vụ: Giám đốc chi nhánh Giảng Võ - Sacombank.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Hoàng Long – Chức vụ: Phó phòng kiểm soát rủi ro (Theo Giấy ủy quyền số 71/2019/GUQ-CNGV ngày 21/6/2019 của Ngân hàng TMCP Sài Gòn Th T – chi nhánh Giàng Võ.

- *Bị đơn*: Chị Nguyễn Thị Tr, sinh năm 1990.

Đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Bơ M, xã An Ph, huyện Mỹ Đ, Thành phố Hà N.

Anh Phạm Ngọc H, sinh năm 1987.

Trú tại: Đội , xã Vân Đ, huyện Đoan H, tỉnh Phú Th.

Anh H ủy quyền tham gia tố tụng cho chị Tr

Đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Trần Hoàng Long – Chức vụ: Phó phòng (Theo Giấy ủy quyền số số 09/2019/GUQ-CNGV ngày 21/6/2019 của Ngân hàng TMCP Sài Gòn Th T – chi nhánh Giàng Võ).

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về khoản vay nợ:

Khoản vay 1: Ngày 15/06/2018, chị Nguyễn Thị Tr và anh Phạm Ngọc H có ký tín dụng với Ngân hàng TMCP Sài Gòn Th T Chi nhánh Giảng Võ - Phòng giao dịch Cầu Giấy Số Hợp đồng tín dụng: LD1816600002 ngày 15/06/2018; Số tiền vay : 900.000.000đ (Bằng chữ: chín trăm triệu đồng); Thời hạn vay: 300 tháng;Thời điểm trả hết nợ: 15/06/2043; Lãi suất: 13,3%/năm áp dụng trong 12 tháng đầu tiên. Có điều chỉnh mức lãi suất theo quy định của Ngân hàng Sacombank tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 5,8%/năm và 6,3%/năm theo từng thời kỳ. Định kỳ điều chỉnh 3 tháng 1 lần; Mục đích sử dụng vốn là: Mua/nhận chuyển nhượng bất động sản; Phương thức trả nợ: Phương thức tính lãi: Số tiền trả lãi vay mỗi kỳ được tính theo dư nợ thực tế mỗi ngày, số ngày thực tế mỗi kỳ nhân với lãi suất cho vay; Kỳ trả lãi: ngày 15 hàng tháng; Ngày 15/06/2018, chị Nguyễn Thị Tr và anh Phạm Ngọc H đã nhận đủ số tiền vay.

Khoản vay 2: Ký hợp đồng tín dụng số: LD1817000027 ngày 19/06/2018; Số tiền vay: 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng); Thời hạn vay: 60 tháng; Thời điểm trả hết nợ: 19/06/2023; Lãi suất: 12%/năm áp dụng trong 06 tháng đầu tiên. Kể từ tháng thứ 7 trở đi lãi suát có sự điều chỉnh theo quy định của ngân hàng của Sacombank tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 4,5%/năm. Định kỳ điều chỉnh 3 tháng/lần;Mục đích sử dụng vốn là: Mua/nhận chuyển nhượng bất động sản. Phương thức tính lãi: Số tiền trả lãi vay mỗi kỳ được tính theo dư nợ thực tế mỗi ngày, số ngày thực tế mỗi kỳ nhân với lãi suất cho vay. Ngày 19/06/2018, chị Nguyễn Thị Tr và anh Phạm Ngọc H đã nhận đủ số tiền vay.

Quá trình thực hiện hợp đồng do vợ chồng chị Tr, anh H làm ăn thua lỗ nên không có thu nhập và không trả được nợ.

Nay Ngân hàng và anh chị Tr, H thống nhất khoản nợ tính đến ngày 08/10/2019 chị Tr và anh H còn nợ Ngân hàng các khoản tiền sau:

Khoản vay 1:

- Nợ gốc: 882.000.000 đồng; Nợ lãi trong hạn: 95.377.695 đồng; Nợ lãi quá hạn: 5.635.210 đồng (năm triệu sáu trăm ba mươi lăm nghìn hai trăm mười đồng). Tổng số tiền 983.012.905 đồng,

Khoản vay 2:

- Nợ gốc: 89.998.000 đồng; Nợ lãi trong hạn: 8.318.016; Nợ lãi quá hạn: 1.416.628 đồng . Tổng số tiền 99.732.644 đồng,

Tổng nợ gốc và lãi hai khoản vay (Khoản vay 1 + khoản vay 2)**: 1.082.745.549 đồng** (một tỷ không trăm tám mươi hai triệu bẩy trăm bốn mươi lăm nghìn năm trăm bốn mươi chín đồng).

Các bên thỏa thuận: Chị Tr và anh H phải trả hết khoản nợ 1.082.745.549 đồng cho ngân hàng khi quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Về lãi phát sinh: Ngoài ra, Anh H và chị Tr còn phải trả lãi trên số dư nợ gốc phát sinh kể từ ngày 09/10/2019 cho đến khi trả hết 02 khoản nợ theo mức lãi suất được thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng này.

Về tài sản thế chấp: Các bên thống nhất thỏa thuận: Kể từ thời điểm quyết định của Tòa án ghi nhận sự thỏa thuận này của các đương sự có hiệu lực pháp luật, chị Tr và anh H không trả được 02 khoản vay nợ trên thì Ngân hàng TMCP Sài Gòn Th T có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án phát mại tài sản đã thế chấp cho ngân hàng gồm: Quyền sử dụng đất thửa số 198, tờ bản đồ số , tại phố Nguyễn Thượng H, thị trấn Vân Đ, huyện Ứng H, TP Hà N. Số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất CH02690, do UBND huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội cấp cho hộ bà Lê Thị Minh B ngày 25/11/2013, đã đăng ký sang tên chuyển nhượng cho ông Phạm Ngọc H và bà Nguyễn Thị Tr ngày 16/04/2018. Đã được công chứng thế chấp theo hợp đồng thế chấp số LD1816600002/HĐTC ngày 15/6/2018, số công chứng 2662.2018/HĐTC, quyển số 06 TP/CC-SCC/HĐCC và văn bản thỏa thuận sử đổi bổ sung hợp đồng thế chấp số 01/LD1816600002/HĐTC ngày 19/6/2018 tại phòng công chứng sô 4, Thành Phố Hà Nội số công chứng 2725.2018/PL, quyển số 06 TP/CC-SCC/HĐCC để bảo đảm cho 02 khoản vay trên. Trường hợp phát mại tài sản không đủ trả hết 02 khoản nợ thì anh H và chị Tr còn phải tiếp tục trả nốt nợ còn lại cho Ngân hàng.

Về án phí: Anh H và chị Tr tự nguyện chịu án phí theo pháp luật, Anh H và chị Tr có xuất trình giấy chứng nhận hộ nghèo cận nghèo năm 2019 nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

- Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn Th T **21.200.000** đồng số tiền đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 02384 ngày 31 tháng 7 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Đức.

3. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Mỹ Đức;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Bùi Thị Hồng

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 38-DS:

(1) Ghi tên Toà án nhân dân ra quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự; nếu là Toà án nhân dân cấp huyện, thì cần ghi rõ Toà án nhân dân huyện nào thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Toà án nhân dân huyện X, tỉnh H), nếu là Toà án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc

trung ương, thì ghi rõ Toà án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Toà án nhân dân thành phố Hà Nội).

(2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ra quyết định (ví dụ: Số: 02/2017/QĐST-KDTM).

(3) Ghi số ký hiệu và ngày, tháng, năm thụ lý vụ án (ví dụ: Số 50/2017/TLST-KDTM).

(4) Ghi họ tên, tư cách đương sự trong vụ án, địa chỉ nơi cư trú và nơi làm việc của các đương sự theo thứ tự như hướng dẫn cách ghi trong mẫu bản án sơ thẩm.

(5) Ghi đầy đủ lần lượt các thoả thuận của các đương sự về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án đã được thể hiện trong biên bản hoà giải thành (kể cả án phí).